

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/8/2017.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **La Thị Hồng Gấm**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Huỳnh**.

2. Ông **Phạm Đức Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoài Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phan Văn Trường** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Kim H1**, sinh năm: 1986.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 33, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 6, khu 13, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H2**, sinh năm: 1973.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 33, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H1 có mặt, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2017 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Hà Thị Kim H1 trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh H2 xây dựng gia đình với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện LT ngày 27/8/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh H2 không có trách nhiệm với gia đình và thường xuyên uống rượu về chửi mắng vợ con, sau đó anh H2 còn đuổi chị và con ra khỏi nhà, nên chị và hai con đến nhà mẹ ruột ở khu 13 xã LĐ, huyện LT sống từ tháng 3/2017 đến nay. Việc chị và anh H2 có mâu thuẫn và chị bị anh H2 đuổi ra khỏi nhà cả hai bên gia đình đều biết nhưng không có ai ngăn cản gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên:

1/ Nguyễn Hoàng Kim T1, sinh ngày 19/8/2007.

2/ Nguyễn Tấn T2, sinh ngày 14/7/2010.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2. Trước đây trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng, nay anh H2 chỉ đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng nên chị cũng đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 09/6/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/6/2017, bị đơn anh Nguyễn Thanh H2 trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị Kim H1 xây dựng gia đình năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện LT ngày 27/8/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, nhưng khoảng tháng 3/2017 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H1 ít về nhà và không lo việc nhà, anh nghi ngờ chị H1 có vấn đề trong tình cảm vợ chồng nhưng anh chị không nói chuyện rõ ràng với nhau để giải quyết mâu thuẫn. Chị H1 đã dọn về nhà mẹ ruột ở khu 13, xã LĐ huyện LT từ tháng 3/2017 ở đến nay, anh cũng không qua nhà mẹ vợ để khuyên chị H1 quay về đoàn tụ vì chị H1 tự ý bỏ đi thì chị H1 tự về nhà chứ anh không năn nỉ, anh chị không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Nay chị H1 xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, anh biết chị H1 cũng không quay về sống chung với anh nhưng vì hai con còn nhỏ nên anh chưa muốn ly hôn, khi nào cần thiết anh sẽ tự mình nộp đơn xin ly hôn với chị H1.

- + Về con chung: Có 02 con chung tên:
 - 1/ Nguyễn Hoàng Kim T1, sinh ngày 19/8/2007.
 - 2/ Nguyễn Tấn T2, sinh ngày 14/7/2010.

Hiện nay anh đang làm công nhân thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng. Sau khi ly hôn anh đồng ý để cháu T1 và cháu T2 cho chị H nuôi dưỡng, mỗi tháng anh chỉ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng.

- + Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Bản tự khai của chị H1; Bản tự khai của anh H2; Lời khai con chung; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải; biên bản xác minh tại UBND xã LD.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Chị H1 xin ly hôn, anh H2 không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Kim T1, sinh ngày 19/8/2007 và Nguyễn Tấn T2, sinh ngày 14/7/2010. Chị H1 – anh H2 thỏa thuận chị H1 sẽ nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T1, anh H2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Kim T1, sinh ngày 19/8/2007 và cháu Nguyễn Tấn T2, sinh ngày 14/7/2010, hiện các con đang sống cùng chị H1 và có nguyện vọng sống cùng mẹ nên đề nghị giao cả 02 con chung cho chị H1 nuôi dưỡng, anh H2 cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh H2 nhưng anh H2 vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H2.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh H2 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã LĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 27/8/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị H1 nộp đơn xin ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của chị H1 có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: chị H1 và anh H2 mâu thuẫn đã trầm trọng cũng không nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm nhau và không có tiếng nói chung. Chị H1 về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2017 nhưng anh H2 cũng không qua nhà mẹ vợ để khuyên chị H1 quay về đoàn tụ xem như anh H2 đã bỏ mặc hôn nhân, không có ý kiến mong muốn hàn gắn xây dựng gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1, xử cho chị H1 được ly hôn anh H2.

Về con chung: Có 02 con chung:

1/ Nguyễn Hoàng Kim T1, sinh ngày 19/8/2007.

2/ Nguyễn Tấn T2, sinh ngày 14/7/2010.

Ly hôn chị H1 yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh H2 cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét thấy hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị H1, cháu T1 và cháu T2 có ý kiến muốn tiếp tục sống cùng chị H1. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2017 chị H1 và anh H2 cũng thỏa thuận giao cháu T1 và cháu T2 cho chị H1 nuôi dưỡng, mỗi tháng anh H2 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị H1, giao cháu T1 và cháu T2 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị H1, anh H2 khai không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị H1, anh H2 khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình

sơ thẩm. Anh H2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Kim H1 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” đối với anh Nguyễn Thanh H2, xử cho chị Hà Thị Kim H1 được ly hôn anh Nguyễn Thanh H2.

- Về con chung: Có 02 con chung, xử giao cháu Nguyễn Hoàng Kim T1, sinh ngày 19/8/2007 và cháu Nguyễn Tấn T2, sinh ngày 14/7/2010 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh H2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

Anh H2 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Hà Thị Kim H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006330 ngày 04/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị H1 đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Thanh H2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Chị Hà Thị Kim H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh H2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
 - VKSND h. Long Thành (1),
 - Chi cục THADS h. Long Thành (1),
 - UBND xã LD (1)
- Giấy CNKH số 203 ngày 27/8/2007,
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1),
 - Đường sự (2),
 - Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

La Thị Hồng Gấm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Huynh

Phạm Đức Nhân

La Thị Hồng Gấm

